TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2-ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 9 – 2025.
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2-ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông D Tấn Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ba.

Ông Trịnh Sâm Châu.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hoài Hân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2-Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2-Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2-Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 118/2025/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025 LT về "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1984.

Nơi đăng ký thường trú: Thôn Làng Út 2, xã La Bă, huyện La Grai, tỉnh Gia Lai nay là xã La Grai, tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ: Tổ 10, Ấp 3, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (nay là Tổ 10, Ấp 3, xã An Phước, tỉnh Đồng Nai).

- *Bị đơn:* Anh Trần Mạnh D, sinh năm 1981.

Nơi đăng ký thường trú: Thôn Làng Út 2, xã La Bă, huyện La Grai, tỉnh Gia Lai nay là xã La Grai, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: Tổ 10, Ấp 3, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (nay là Tổ 10, Ấp 3, xã An Phước, tỉnh Đồng Nai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện nộp ngày 14 tháng 01 năm 2025 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Mạnh D xây dựng gia đình với nhau năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã La Bă, huyện La Grai, tỉnh Gia Lai ngày 23/02/2009.

Chị và anh Trần Mạnh D chung sống một thời gian bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn về tính cách, quan điểm sống. Chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh D nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chi ly hôn với anh D.

Về con chung: Tại phiên tòa, chị khai có 03 con chung tên Trần Thị N, sinh năm 2001, Trần Thị Thu H, sinh năm 2003 và Trần Mạnh B, sinh ngày 14/10/2008.

Chị sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con chung, tạm thời tôi không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn anh Trần Mạnh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần như vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong việc xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ và tiến hành tố tụng đúng quy định. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn được đảm bảo quyền lợi và chấp hành pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Trần Mạnh D.

Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Thị N, sinh năm 2001, Trần Thị Thu H, sinh năm 2003 và Trần Mạnh B, sinh ngày 14/10/2008.

- Đề nghị giao 01 con chung cho chị N trực tiếp nuôi cháu B; tạm thời không anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bị đơn anh Trần Mạnh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; xử vắng mặt bị đơn anh D.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét hôn nhân giữa chị N và anh D xây dựng trên cơ sở tự nguyện, Ủy ban nhân dân xã La Bă, huyện L, tỉnh G và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 06, Quyển 01 ngày 23/02/2009 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Quá trình giải quyết tại Tòa án anh D không đến Tòa để hòa giải đoàn tụ chứng tỏ anh D không quan tâm đến vợ con, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân và gia đình xử cho chị N được ly hôn với anh D.

[2.2] Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Thị N, sinh năm 2001, Trần Thị Thu H, sinh năm 2003 và Trần Mạnh B, sinh ngày 14/10/2008.

Đối với cháu N và cháu H đã thành niên và có khả năng lao động nên không xét.

Chị N yêu cầu nuôi dưỡng cháu Trần Mạnh B, sinh ngày 14/10/2008. Xét thấy, chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu B nên yêu cầu của chị N là có cơ sở chấp nhận; xử giao Trần Mạnh B, sinh ngày 14/10/2008 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị N khai không có nên không xem xét.

[2.5] Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình.

[2.6] Về chí phí tố tụng: Chị N phải chịu 1.000.000 đồng (Đã nộp xong).

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2-Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N đối với bị đơn anh Trần Mạnh D về việc "Tranh chấp ly hôn".

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho đơn chị Nguyễn Thị N đối với bị đơn anh Trần Mạnh D.

2. Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Thị N, sinh năm 2001, Trần Thị Thu H, sinh năm 2003 và Trần Mạnh B, sinh ngày 14/10/2008.

Xử giao cháu Trần Mạnh B, sinh ngày 14/10/2008 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không xem xét.

4. Về nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0014643 ngày 13 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành (Chị N đã nộp xong).

6. Về chí phí tố tụng: Chị N phải chịu 1.000.000 đồng (Đã nộp xong).

7. Chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Anh D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 2-Đồng Nai;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2;
- UBND xã La Bă, huyện La Grai, tỉnh Gia Lai nay xã La Grai, tỉnh Gia Lai (số 06, quyển số 01 ngày 23/02/2009);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, BP, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Tấn Hưng